TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2024/DS-PT
Ngày: 29 - 01 - 2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr.

Bà Nguyễn Thị My My.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Thu Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 470/2023/TLPT-DS ngày 30/11/2023, về việc: *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 225/2023/DS-ST, ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐ-PT, ngày 03/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 48/2024/QĐ-PT ngày 19/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S (N), sinh năm 1965;

Địa chỉ: Đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Võ Mạnh L, sinh năm 1988 (Văn bản ủy quyền ngày 24/5/2022);

Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Mai Thị Ngọc A – Luật sư, Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Xuân T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Đường P, Buôn A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Buôn A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn S – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S là ông Võ Mạnh L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn S là bà Mai Thị Ngọc A trình bày có nội dung như sau:*

Ông Nguyễn Văn S và ông Trần Xuân T có mối quan hệ quen biết, vay mượn tiền nhiều lần có khoản trả, khoản chưa trả. Hiện tại, ông T còn nợ ông S tổng số tiền 780.000.000 đồng, cụ thể:

Sáng ngày 10/8/2022, ông T vay của ông S số tiền là 450.000.000 đồng, đến ngày 18/8/2022, vay thêm số tiền 330.000.000 đồng, thời hạn trả nợ trong vòng 03 tháng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 1.000.000đồng/triệu/ngày. Mục đích vay tiền mua xe ô tô và cho các con của bị đơn. Giấy vay tiền ông T viết và ký nên ông S không yêu cầu những người khác trong gia đình ông T phải có trách nhiệm. Khi vay, ông T giao 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSD đất) bản gốc gồm: Giấy CNQSD đất số DB 029356, Giấy CNQSD đất số DB 029357, Giấy CNQSD đất số H 114559 và Giấy CNQSD đất số CL 128318 đều đã được chỉnh lý mang tên vợ chồng ông T, cho ông để làm tin.

Quá thời hạn, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, nên ông S khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 780.000.000 đồng và lãi suất 12%/năm từ thời điểm vay đến thời điểm xét xử. Sau khi trả hết nợ ông S sẽ trả lại 04 Giấy CNQSD đất. Ngoài khoản nợ theo đơn khởi kiện giữa các bên thì không còn khoản vay nào khác.

Zalo "Nước N" và số tài khoản 023100678290 mở tại Ngân hàng TMCP N và số tài khoản 050081944099 mở tại Ngân hàng TMCP S là của ông S, dùng để giao dịch và nhắn tin cho ông T theo chứng cứ ông T cung cấp là đúng.

Ngoài khoản vay theo đơn khởi kiện thì ông T còn vay nhiều lần nhưng đã trả xong (không phát sinh tranh chấp) cụ thể: Ngày 08/8/2022 vay 250.000.000 đồng (không viết giấy tờ); ngày 10/8/2022 vay 200.000.000 đồng (Chuyển khoản); ngày 15/8/2022 vay 130.000.000 đồng (chuyển khoản); ngày 21/9/2022 vay 230.000.000 đồng. Chứng cứ ông T cung cấp đã trả 390.000.000 đồng là đúng nhưng là trả cho các khoản vay trên chứ không phải khoản nợ ông S đang khởi kiện ông T. Vì vậy, ông S không đồng ý với nội dung ông T trình bày số tiền 390.000.000 đồng là trả cho khoản vay 780.000.000 đồng, cũng như việc vay mượn nhiều lần sau đó ghi tổng cộng vào giấy đề ngày 10/8/2022, 18/8/2022.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Xuân T trình bày có nội dung như sau:*

Chứng cứ ông S khởi kiện số tiền 780.000.000 đồng tại Giấy vay ngày 10/8/2022 và 18/8/2022 đúng là chữ ký và chữ viết của ông nhưng ông đã trả 390.000.000 đồng.

Trước ngày 10/8/2022, ông nợ ông S 250.000.000 đồng, có lập hợp đồng vay. Ngày 10/8/2022, ông có vay và nhờ ông S chuyển vào tài khoản của con gái ông số tiền 200.000.000 đồng (từ chối cung cấp thông tin). Đồng thời, ông S yêu

cầu ông ghi giấy tổng số nợ là 450.000.000 đồng đề ngày 10/8/2022 (xóa, bỏ giấy cũ) và ông đã giao 04 Giấy CNQSD đất bản chính như ông S trình bày để làm tin (vợ ông không biết), hẹn trong vòng 03 tháng sẽ trả.

Đến ngày 15/8/2022, ông vay 130.000.000 đồng (chuyển khoản nên không viết giấy tờ), ngày 18/8/2022 ông vay tiếp số tiền 200.000.000 đồng nên ông S yêu cầu ghi tổng là 330.000.000 đồng đề ngày 18/8/2022 vào cùng giấy nợ ngày 10/8/2022; các lần vay đều thỏa thuận lãi suất bằng miệng 10%/năm.

Quá trình vay, ông đã dùng số tài khoản 5200205598028 mở tại Ngân hàng N chuyển vào tài khoản của ông S 023100678290, 050081944099 và cũng có lần bằng tiền mặt tổng cộng là 390.000.000 đồng, cụ thể: ngày 09/9/2022 trả 170.000.000 đồng (tiền mặt); ngày 22/9/2022 trả 30.000.000 đồng (tiền mặt); ngày 27/9/2022 trả 120.000.000 đồng (chuyển khoản); ngày 09/12/2022 trả 50.000.000 đồng (chuyển khoản); ngày 16/01/2022 trả 20.000.000 đồng (Chuyển khoản 02 lần, 2.000.000 đồng + 18.000.000 đồng), khi trả có khoản ghi lãi, có khoản ghi gốc, có khoản không ghi gì.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu tính lãi suất là 12%/năm kể từ thời điểm vay đến thời điểm xét xử thì ông đồng ý. Đề nghị Tòa án tính số tiền lãi từ ngày vay đến ngày 22/9/2022 (do số tiền trả nhiều lần và thời gian gần nhau nên yêu cầu Tòa án xác định ngày 27/9/2022 là ngày trả 390.000.000 đồng).

Quá trình tố tụng, ông có trình bày nhiều ý kiến khác nhau nhưng đề nghị Tòa án ghi nhận toàn bộ nội dung trình bày tại phiên tòa sơ thẩm làm căn cứ giải quyết vụ án.

Ông vay và dùng tài sản giao cho ông S làm tin, vợ ông không biết, ông vay thì ông có nghĩa vụ trả.

**/ Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H trình bày có nội dung:* Bà là vợ của ông T, bà không biết việc ông T giao 04 Giấy CNQSD đất (là tài sản chung của vợ chồng) giao cho ông S để làm tin vay nợ. Nay bà yêu cầu ông S trả lại 04 Giấy CNQSD đất cho bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 225/2023/DS-ST, ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 184, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (N).

Buộc bị đơn ông Trần Xuân T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn S số tiền gốc 401.600.000 đồng và 48.460.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 450.060.000 đồng.

Không chấp nhận đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn S đối với việc buộc

ông Trần Xuân T trả số tiền 329.940.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Buộc ông Nguyễn Văn S phải trả lại cho ông Trần Xuân T và bà Hoàng Thị H (bản chính) Giấy CNQSDĐ số DB 029356 thửa đất số 647, tờ bản đồ số 9; Giấy CNQSDĐ số DB 029357 thửa đất số 649, tờ bản đồ số 9 đều tọa lạc tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; và Giấy CNQSDĐ số H 114559 thửa đất số 70, tờ bản đồ số 10; Giấy CNQSDĐ số CL 128318 thửa đất số 510 (cũ 44), tờ bản đồ số 38 (cũ 10) đều tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đều đã được chỉnh lý biến động mang tên ông Trần Xuân T và bà Hoàng Thị H.

Về án phí: Bị đơn ông Trần Xuân T phải nộp 22.503.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn S phải nộp 16.497.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 18.382.500 đồng (do H N Êban nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, theo biên lai thu tiền số AA/2022/0001535 ngày 23/3/2023. Sau khi khấu trừ trả lại cho ông S 1.885.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (N) kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S đã có văn bản trình bày bổ sung và xác định: Ngày 08/8/2022, ông T vay ông 250.000.000 đồng, ngày 10/8/2022, ông T vay thêm số tiền 200.000.000 đồng, nên ông S yêu cầu ông T viết giấy nhận nợ số tiền 450.000.000 đồng. Ngày 15/8/2022, ông T vay ông 130.000.000 đồng, ngày 18/8/2022, ông T vay tiếp 200.000.000 đồng nên ông yêu cầu ông T viết thêm vào giấy nhận nợ ngày 10/8/2022 nhận nợ thêm số tiền 330.000.000 đồng. Đến ngày 21/9/2022, ông T tiếp tục vay ông 230.000.000 đồng. Do trước đó vào ngày 09/9/2022, ông T đã trả cho ông 170.000.000 đồng tiền gốc nên ông viết trong sổ ghi chép khoản vay ngày 08/8/2022 còn 80.000.000 đồng và chụp gửi cho ông T qua zalo. Như vậy, tính đến ngày 21/9/2022, ông T còn nợ ông 840.000.000 đồng. Ngày 22/9/2022, ông T trả cho ông 30.000.000 đồng tiền gốc; ngày 27/9/2022, ông T trả cho ông 120.000.000 đồng tiền gốc; ngày 09/12/2022, ông T trả cho ông 50.000.000 đồng tiền lãi, ngày 16/01/2022, ông T đã trả tiếp cho ông hai lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi. Do đó, ông T còn nợ ông 690.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi. Trước đây, ông cho rằng khoản nợ ngày 21/9/2022 đã được trả xong là do ông trừ vào số tiền 320.000.000 đồng mà ông T đã trả tiền gốc cho ông. Những khoản trả nợ ngày 09/9/2022, 22/9/2022 và 27/9/2022 được tính trả cho khoản vay ngày 21/9/2022.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quá trình giải quyết, ông T thừa nhận còn nợ ông S số tiền 780.000.000 đồng theo các giấy vay ngày 10/8/2022 và ngày 18/8/2022. Ông T không thừa nhận khoản vay ngày 21/9/2022 với số tiền 230.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ do ông T cung cấp cho Tòa án thể hiện ông T đã nhận của ông S số tiền 230.000.000 đồng, tính đến ngày 21/9/2022, ông T còn nợ ông S số tiền 840.000.000 đồng. Vì vậy, tổng số tiền ông T đã vay của ông S là 1.010.000.000 đồng. Ông T đã trả cho ông S 390.000.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông S, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định số tiền gốc mà ông S cho ông T vay là 1.010.000.000 đồng, đồng thời xác định lãi suất phát sinh trên số tiền 1.010.000.000 đồng kể trên và trừ đi số tiền 390.000.000 đồng mà ông T đã trả cho ông S để xác định số tiền buộc ông T phải trả cho ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S được nộp trong thời hạn luật định và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[1.2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, các bên đều thừa nhận: Ngày 08/8/2022, ông T vay 250.000.000 đồng, ngày 10/8/2022, vay 200.000.000 đồng và ông T có viết giấy nhận nợ số tiền 450.000.000 đồng. Ngày 15/8/2022, ông T tiếp tục vay 130.000.000 đồng, ngày 18/8/2022, vay 200.000.000 đồng và ông T viết vào giấy nhận nợ ngày 10/8/2022 vay thêm 330.000.000 đồng vào ngày 18/8/2022. Ngoài ra, ngày 21/9/2022, ông T còn vay thêm số tiền 230.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T cho rằng khoản vay ngày 21/9/2022 với số tiền 230.000.000 đồng thì ông không nhớ và nếu có vay thì cũng đã thanh toán xong. Đối với số tiền 390.000.000 đồng mà ông đã trả cho ông S vào các ngày: 09/9/2022, 22/9/2022, 27/9/2022, 09/12/2022 và 16/01/2023 là trả cho khoản vay 780.000.000 đồng, đề nghị Tòa án xem xét đánh giá. Trong khi đó phía nguyên

đơn thì cho rằng ông T đã vay của ông S với tổng số tiền 1.010.000.000 đồng. Ngày 09/9/2022, ông T đã trả số tiền 170.000.000 đồng nên khoản nợ ngày 08/8/2022 (250.000.000 đồng) còn 80.000.000 đồng, đồng thời chụp hình gửi zalo chốt nợ với ông T thể hiện tính đến ngày 21/9/2022 ông T còn nợ ông S số tiền 840.000.000 đồng. Ngày 22/9/2022, ông T trả 30.000.000 đồng, ngày 27/9/2022 ông T trả tiếp số tiền 120.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng là trả cho số tiền tiền gốc 840.000.000 đồng. Như vậy, số tiền gốc mà ông T còn nợ là 690.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 09/12/2022 ông T có trả 50.000.000 đồng lãi, ngày 16/01/2022 ông T trả 20.000.000 đồng lãi, đây là các khoản lãi mà ông T đã trả cho ông S tính đến ngày 27/9/2022.

Xét tin nhắn zalo giữa ông T và ông S do ông T cung cấp (BL 36) và nội dung các trang ô ly do ông S cung cấp thể hiện: 8/8 80 triệu, ngày 10/8 200 triệu, ngày 18/8 330 triệu, ngày 21/9 lấy 230 triệu, tổng 840 triệu. Nội dung này là phù hợp với lời trình bày của ông S cũng như diễn biến việc trả tiền ngày 09/9/2022 của ông T. Do đó, có căn cứ xác định đây là nội dung chốt nợ giữa ông S và ông T ngày 21/9/2022, tức là đến ngày 21/9/2022, ông T còn nợ ông S số tiền 840.000.000 đồng. Do đó, ngày 22/9/2022, ông T trả 30.000.000 đồng, ngày 27/9/2022 trả 120.000.000 đồng. Tổng cộng là 150.000.000 đồng, số tiền này được xác định trả vào số tiền gốc của khoản vay 840.000.000 đồng nêu trên. Như vậy, số tiền gốc còn lại là 840.000.000 đồng – 150.000.000 đồng = **690.000.000 đồng.**

Ngày 09/12/2022, ông T tiếp tục trả 50.000.000 đồng, ngày 16/01/2022 ông T trả 20.000.000 đồng lãi. Khoản tiền trên, các bên đều thừa nhận đây là các khoản trả lãi cho tổng các khoản vay trên. Các bên đã thừa nhận và thanh toán xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về tiền lãi: Đối với khoản lãi của số tiền gốc 690.000.000 đồng tính từ ngày 27/9/2022 đến ngày 25/9/2023 (ngày xét xử sơ thẩm): 363 ngày x (12% : 365) x 690.000.000đ = 82.346.000đ.

Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Xuân T còn nợ ông Nguyễn Văn S 690.000.000 đồng tiền gốc và 82.346.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là **772.346.000 đồng.**

[2.3] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S là có căn cứ, cần chấp nhận để sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S, buộc ông Trần Xuân T phải trả cho ông Nguyễn Văn S 690.000.000 đồng tiền gốc và 82.346.000 đồng tiền lãi, tổng cộng: 772.346.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S đối với số tiền 7.654.000 đồng.

[3] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tính lại án phí.

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Xuân T phải chịu 34.894.000 đồng (20.000.00đ + 4% x 372.346.000đ = 34.894.000đ) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn S phải chịu 383.000 đồng (7.654.000đ x 5% = 383.000đ)

án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 18.382.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp (do H N Êban nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, theo biên lai số AA/2022/0001535 ngày 23/3/2023. Sau khi khấu trừ trả lại cho ông S 17.999.500 đồng.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (do H N Êban nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai số AA/2022/0004784 ngày 17/10/2023.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (N) – Sửa một phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 225/2023/DS-ST, ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (N).

Buộc bị đơn ông Trần Xuân T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn S số tiền gốc 690.000.000 đồng và 82.346.000 đồng tiền lãi, tổng cộng **772.346.000 đồng** *(Bảy trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi sáu ngàn đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn S đối với việc buộc ông Trần Xuân T trả số tiền 7.654.000 đồng.

3. Buộc ông Nguyễn Văn S phải trả lại cho ông Trần Xuân T và bà Hoàng Thị H (bản chính) Giấy CNQSD đất số DB 029356 thửa đất số 647, tờ bản đồ số 9; Giấy CNQSD đất số DB 029357 thửa đất số 649, tờ bản đồ số 9 đều tọa lạc tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk mang tên ông Trần Xuân T và bà Hoàng Thị H; và Giấy CNQSD đất số H 114559 thửa đất số 70, tờ bản đồ số 10; Giấy CNQSD đất số CL 128318 thửa đất số 510 (cũ 44), tờ bản đồ số 38 (cũ 10) đều tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đều đã được chỉnh lý biến động mang tên ông Trần Xuân T và bà Hoàng Thị H.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Xuân T phải chịu 34.894.000

đồng *(Ba mươi tư triệu, tám trăm chín mươi tư ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn S phải chịu 383.000 đồng *(Ba trăm tám ba ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 18.382.500 đồng *(mười tám triệu ba trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng)* tạm ứng án phí đã nộp (do H N Êban nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, theo biên lai số AA/2022/0001535 ngày 23/3/2023. Sau khi khấu trừ trả lại cho ông S 17.999.500 đồng *(Mười bảy triệu chín trăm chín mươi chín ngàn năm trăm đồng)*.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp (do H N Êban nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai số AA/2022/0004784 ngày 17/10/2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Văn Tú